TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 16/01/2018

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Đức**

-C*ác hội thẩm nhân dân:*

Bà **Nguyễn Thị Hường**.

Ông **Nguyễn Văn Diệu.**

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Quốc Doanh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/HSST ngày 26/12/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/HSST-QĐXXST ngày 04/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Xuân Y, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn TX, xã AM, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Phạm Văn Q1, sinh năm 1961.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Kh, (Đã chết).

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, Chỉ, Bản số: 707, Công an huyện P lập ngày 28/10/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn DL1, xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1962.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Q2, sinh năm 1966.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, chỉ, bản số: 674, Công an huyện P lập ngày 14/10/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P.

3**. Nguyễn Văn B**, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn DL1, xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn V, sinh năm 1950.

Mẹ đẻ: Phạm Thị K, sinh năm 1950.

Vợ: Trần Thị V1, sinh năm 1971.

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, chỉ, bản số: 670, Công an huyện P lập ngày 09/11/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2017.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn LM, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Y và bị cáo H có mối quan hệ là bạn bè quen biết nhau từ trước và cùng nghiện ma túy. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/10/2017 Y điều khiển xe máy màu nâu, kiểu dáng Dream, không rõ biển kiểm soát đến nhà H chở H về nhà Y chơi, đến khoản 23 giờ thì Y rủ H đi lòng vòng quanh các xã trên địa bàn huyện P xem nhà nào có tài sản để sơ hở thì vào trộm cắp. Y điều khiển xe máy , H ngồi sau từ nhà Y đi ra Quốc lộ 10 vòng theo đường 455. Khi đến ngã ba thôn LM, xã QH, Y dừng xe B với H đứng ngoài cảnh giới, còn Y đi về phía cổng nhà anh Q cách đó khoảng 30m. Thấy cổng chỉ cài then, Y mở cổng đi qua sân rồi vào trong bếp, quan sát xung quanh Y phát hiện chiếc xe máy BKS 17B-333.UV nhãn hiệu HON DA Vision màu xanh, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Y liền dắt chiếc xe ra chỗ H đang đứng, Y B H điều khiển xe Vision, còn Y điều khiển xe của Y đi theo đường 455 ra quốc lộ 10, đến khu vực cầu Vật thuộc thôn Đồng Bằng, xã An Lễ thì Y B H dừng lại, Y mở cốp xe Vision ra kiểm tra thấy có 01 chiếc cờ lê, 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên anh Q. Y lấy sổ hộ khẩu cho vào túi quần rồi dùng chiếc cờ lê tháo biển số xe Vision, H dùng tay tháo 02 chiếc gương chiếu hậu rồi để gương và biển kiểm soát vào trong cốp xe. Sau đó cả 2 điều khiển 02 xe đến xã VN, huyện X để gửi nhưng không được, H vất biển số xe ở mé bờ ruộng ven đường thuộc xã VN rồi mang xe về nhà Y cất dấu. Sau đó H điều khiển chiếc xe Vision, Y điều khiển xe Dream đến nhà B để bán xe. H gọi B ra ngoài cổng đưa xeVission cho B xem và hỏi B có mua xe không . B nhìn xe Vision và hỏi H: "*Xe này lấy ở đâu*". H trả lời: "*Xe này bọn em lấy ở khu vực QH*". B biết là xe trộm cắp được ở QH, B nói không có tiền nên không mua, H nói với B nếu mua thì H bán rẻ cho. Lúc này B nói để B gọi điện cho bạn xem có mua không rồi rút điện thoại giả vờ gọi điện cho bạn và nói với H đưa cho B chiếc xe để B mang đến nhà cho bạn xem xe. B điều khiển xe máy đến nhà anh Lê Văn T, sinh năm 1970, ở cùng thôn, khi đến nhà anh T, B để xe ở ngoài cổng rồi đi vào trong nhà anh T hỏi mượn anh T 5 triệu đồng. B cầm tiền rồi gọi điện thoại cho con trai là Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1996, B, Tr đưa điện thoại cho

H nghe máy. B nói với H là có người mua xe giá 5 triệu đồng có bán không, H đồng ý, khi về gần đến nhà, B để chiếc xe Vision cách nhà khoảng 30 mét rồi đi bộ về gặp H. B đưa cho H 5 triệu đồng và nói với H cho xin 100.000 đồng công bán xe. H đưa lại cho B 100.000 đồng rồi cùng Y đi về. Trên đường về Y B H đưa cho Y 2.90.000đồng còn H giữ lại 2.000.000 đồng. H cầm tiền tiêu hết 36.000 đồng rồi về nhà, còn Y bỏ đi khỏi địa phương.

Ngày 11/10/2017 Cơ quan công an đã quản lý của B 01 chiếc xe máy nói trên, quản lý của H 1.964.000 đồng, ngày 25/10/2017 Y về nhà biết được Công an đã triệu tập lên làm việc, Y đã lên Công an huyện P khai nhận hành vi phạm tội của mình, Cơ quan Công an đã quản lý của Y 01 sổ hộ khẩu của anh Q, 02 gương chiếu hậu, 03 thanh inox B vệ xe.

Kết quả định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision mà Y và H trộm cắp của anh Q có trị giá 30 triệu đồng.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu đã được cơ quan Điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 04/KSĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Y và bị cáo H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại 1 Điều 138 BLHS 1999; Truy tố bị cáo B về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguY quyết định truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuY bị cáo Y và bị cáo H phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo B phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138 BLHS 1999, Điều 38, Điều 17 BLHS 2015 đối với bị cáo Y và bị cáo H; áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS 1999 đối với bị cáo B; áp dụng Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với các bị cáo; áp dụng Điều 65 BLHS 2015 đối với bị cáo B. Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 12 năm đến 15 tháng tù, bị cáo Y từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù

tính từ ngày bắt tạm giam. Đề nghị xử phạt bị cáo B từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuY án sơ thẩm; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Đề nghị truy thu số tiền 4.900.000đ do phạm tội mà có để tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo Y tâm cải tạo, sớm trở về đoàn tụ với gia đình và hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và cũng không xuất trình chứng cứ nào thêm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Do đó có đủ cơ sở kết luận: Rạng sáng ngày 11/10/2017 bị cáo Y và bị cáo H đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 17B5-333.UV, màu xanh trị giá 30.000.000đồng của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988, ở thôn LM, xã QH, huyện P, sau đó đã cùng nhau bán cho bị cáo Nguyễn Văn B 5.000.000đồng để chia nhau tiêu xài cá nhân. Trong vụ án này bị cáo Y giữ vai trò là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H là người cảnh giới, giúp sức. Bị cáo B biết rõ nguồn gốc chiếc xe là do Y và H trộm cắp, tuy nhiên bị cáo B vẫn mua với giá 5.000.000đồng. Hành vi của bị cáo Y và bị cáo H đã phạm tội: "*Trộm cắp tài*

sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự 1999. Hành vi của bị cáo B đã phạm tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 250 của Bộ luật hình sự 1999 như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

[3]. Tại thời điểm xét xử đối với các bị cáo Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật, xét thấy tội "*trộm cắp tài sản*" và tội "*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" tại Bộ luật hình sự 1999 quy định nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy cần áp dụng Bộ luật hình sự 1999 để xét xử đối với các bị cáo.

[4].Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của ng- ời khác, xâm phạm đến sự quản lý của Nhà n- ớc về trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng Nhân dân. Vì vậy việc xét xử các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết, lên mức án nghiêm khắc t- ơng xứng với hành phạm tội của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục và cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5].Xem xét về vai trò, hành vi phạm tội của mỗi bị cáo trong vụ án cho thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công bàn bạc cụ thể từ tr- ớc, nh- ng vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo có sự khác nhau, vì vậy cần xem xét để xét xử phù hợp với từng bị cáo. Đối với hành vi "trộm cắp tài sản" bị cáo Y phạm tội với vai trò chủ m- u, trực tiếp khởi x- ớng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, đối với bị cáo H tham gia phạm tội với vai trò giúp sức, sau khi đ- ợc Yên khởi x- ớng đã h- ởng ứng tham gia tích cực, hỗ trợ cho Y trong quá trình phạm tội. Vì vậy mức hình phạt đối với bị cáo Y phải cao hơn bị cáo H. Còn đối với bị cáo B phạm tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", mặc dù biết rõ nguồn gốc chiếc xe máy là tài sản do Y và H phạm tội mà có nh- ng vẫn tiêu thụ, vì vậy khi l- ợng hình cần phải lên mức hình phạt đối với bị cáo Bảo cho phù hợp.

[6].Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo cho thấy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã đ- ợc thu hồi trả lại cho ng- ời bị hại, do vậy khi l- ợng hình cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo để các bị cáo đ- ợc h- ởng tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7].Từ những phân tích nêu trên, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án đồng phạm để lên một mức án t- ơng xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo: Y và bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nh- mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo B có nhân thân tốt, có nơi c- trú ổn định rõ ràng, không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nh- ng cho h- ởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa ph- ơng nơi c- trú giám sát, giáo dục thì cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Trọng vụ án này đối với anh Lê Ngọc T1, sinh năm 1969 ở thôn DL1, xã AN là ng- ời cho B vay 05 triệu đồng, khi hỏi vay anh T1 không biết B dùng vào việc phạm tội. Đối với Nguyễn Quang Tr (*Là con trai của B*) là ng- ời trực tiếp chuyển điện thoại cho H nghe để B và H giao dịch phạm tội, qua điều tra xác định khi B gọi điện về cho Tr, B chị nói Tr đ- a điện thoại cho H để nói chuyện, còn nội dung nói chuyện gì thì Tr không biết, vì vậy Công an Quỳnh Phụ không xử lý đối với anh T1 và Tr.

[9].Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Honda Vision biển kiển soát 17B5-333.UV đã được thu hồi trả cho anh Q, anh Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, vì vậy về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[10].Về vật chứng vụ án: Sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan điều tra đã quản lý chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiển soát 17B5-333.UV cùng gương chiếu hậu và 01 sổ hộ khẩu. Tài sản và giấy tờ thuộc sở hữu hợp pháp của anh Q, anh Q đã đề nghị xin lại, Cơ quan công an đã trả lại cho anh Q là phù hợp với Điều 41 Bộ luật hình sự.

[11].Đối với số tiền Y và H bán xe máy trộm cắp cho bị cáo B là 4.900.000đồng trong đó bị cáo H quản lý 2.000.000đồng, bị cáo Y quản lý 2.900.000đồng. Xác định đây là tiền do phạm tội mà có vì vậy cần truy thu buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015. Ngày 11/10/2017 Cơ quan Công an đã quản lý của bị cáo H 1.964.000đồng, cần tiếp tục quản lý số tiền này để đảm B thi hành án.

[12].Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/Tuyên bố các bị cáo Phạm Xuân Y và bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- Áp dụng khoản 1Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Phạm Xuân Y** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2017.

- Áp dụng khoản 1Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 01 (Một) 03 (ba) tháng năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2017.

- Áp dụng khoản 1Điều 250 Bộ luật hình sự 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B** 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã AN, huyện P, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

"Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự"

2.Về xử lý vật chứng vụ án: *Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015.*

Buộc các bị cáo Phạm Xuân Y và bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm nộp lại số tiền 4.900.000đồng để tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Kỷ phần của bị cáo Y là 2.900.000đồng, bị cáo H là 2.000.000đồng.

" Tiếp tục quản lý số tiền 1.964.000đ đã quản lý của bị cáo H theo biên lai thu tiền số 0000169 ngày 24/12/2017 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện P và hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện P đang quản lý để đảm B thi hành án".

3.Về án phí: Các bị cáo Phạm Xuân Y, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuY án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- C.A huyện P;
- Bị cáo;
-Người bị hại,
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Đức *(đã ký)*